

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

TIẾN TRÌNH LUẬT PHÁP TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1990 ĐẾN NAY

NGUYỄN KHẮC HUY*

Đất nước Việt Nam đã có lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh chống ngoại xâm giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Vì vậy, nhân dân Việt Nam từ già trẻ, gái trai đều thấu hiểu ý nghĩa của độc lập dân tộc, đều quyết tâm giành và giữ độc lập dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam đã đứng lên giành chính quyền, lập nên Nhà nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á vào tháng 9/1945. Ngay từ buổi đầu thành lập, Nhà nước Việt Nam rất quan tâm đến vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo. Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ cộng hoà trong phiên họp đầu tiên đã tuyên bố: "Tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết". Và nguyên tắc đó đã trở thành chính sách nhất quán xuyên suốt qua mọi thời kỳ của cách mạng Việt Nam.

Chính sách "tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết" đã góp phần to lớn vào sự nghiệp đoàn kết toàn dân, kháng chiến thắng lợi, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. "Bảo đảm tự do tín ngưỡng, tôn giáo" để "tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc" là cặp phạm trù không thể tách rời, có thể chứng minh

bằng lịch sử từ năm 1945, Việt Nam không có một cuộc xung đột nào bắt nguồn từ vấn đề dân tộc, tôn giáo. Đồng bào theo các tôn giáo đều chung sống trong hoà bình, ổn định, hài hoà với đồng bào không có tín ngưỡng, tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Sáu mươi năm qua, nhân dân Việt Nam trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Từ năm 1990 trở lại đây, với những nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, được cộng đồng quốc tế ghi nhận, từ đó từng bước khẳng định vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo, với trên 80 triệu dân của 54 dân tộc anh em cùng chung sống. Hiện nay ở Việt Nam có 6 tôn giáo với khoảng

*. Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Ban Tôn giáo Chính phủ. Tham luận tại Hội nghị Khoa học Quốc tế: "Bước đầu trao đổi: Tôn giáo và Pháp quyền ở Đông Nam Á" tổ chức tại Hà Nội ngày 8 - 9/9/2006.

20 triệu tín đồ, 60 nghìn chức sắc, nhà tu hành, 22 nghìn cơ sở thờ tự, có 16 tổ chức tôn giáo đã được công nhận tư cách pháp nhân và đang hoạt động ổn định đó là Giáo hội Công giáo Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tổng hội Hội thánh Tin Lành miền Bắc, Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành miền Nam, Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo, 09 Hội thánh Cao Đài và 02 Ban Đại diện Hồi giáo. Cùng với những tổ chức tôn giáo đã được công nhận nêu trên, còn có một số tổ chức, hệ phái tôn giáo khác đã hình thành hoặc mới du nhập vào Việt Nam như một số hệ phái Tin Lành, Tịnh Độ Cư sĩ Phật hội, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đạo Baha'i, v.v... đang được tạo điều kiện đăng kí hoạt động tôn giáo để duy trì hoạt động bình thường, ổn định tại các cơ sở thờ tự hoặc tại các điểm nhóm với khoảng 1,5 triệu tín đồ, hơn 5 nghìn chức sắc, chức việc và gần 500 cơ sở thờ tự cùng nhiều điểm nhóm khác.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, những năm qua nền kinh tế của Việt Nam ngày càng phát triển theo xu thế hội nhập trong khu vực và toàn cầu, đời sống vật chất của nhân dân ngày càng được cải thiện. Từ đó, nhu cầu về văn hoá tinh thần, đặc biệt là nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo cũng tăng lên. Các sinh hoạt tín ngưỡng như thờ cúng ông bà, tổ tiên, thờ cúng những người có công với đất nước... thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Cùng với sinh hoạt tín ngưỡng, sinh hoạt tôn giáo của tín đồ các tôn giáo cũng ngày càng ổn định.

Đất nước Việt Nam đi lên từ một nền kinh tế còn nhiều khó khăn với một trong những nguyên nhân chủ yếu là hậu quả nặng nề của các cuộc chiến tranh. Bên cạnh những chính sách để phát triển kinh tế, Nhà nước Việt Nam rất quan tâm đến chính sách xã hội trong đó có chính sách tín ngưỡng, tôn giáo. Việc ban hành những chính sách phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, với mục tiêu đoàn kết đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo và đồng bào không có tín ngưỡng, tôn giáo luôn được Nhà nước quan tâm.

Chính sách tôn trọng và bảo đảm tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi công dân được xác định ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và được bổ sung, hoàn thiện qua các bản Hiến pháp năm 1959, năm 1980 và Hiến pháp năm 1992 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, chính sách tôn giáo của Việt Nam tiếp tục được khẳng định và ngày càng được cụ thể hoá, tạo hành lang pháp lí cho các hoạt động tôn giáo nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân, bảo đảm sự đoàn kết, hòa hợp giữa cộng đồng những người có tín ngưỡng, tôn giáo và những người không có tín ngưỡng, tôn giáo; giữa cộng đồng những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

Từ những năm 90 của thế kỷ XX trở lại đây, trước sự phát triển của đất nước, tình hình tôn giáo ở Việt Nam cũng có nhiều thay đổi. Nhiều quan điểm, chủ trương về công tác tôn giáo thể hiện trong các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng Cộng sản Việt Nam trực tiếp chỉ đạo giải quyết

vấn đề tôn giáo trong thời kỳ này đã được ban hành. Thể chế các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, pháp luật về tôn giáo không ngừng được xây dựng, sửa đổi bổ sung và hoàn thiện. Chỉ trong vòng hơn 10 năm, hàng trăm văn bản đã được Nhà nước Việt Nam ban hành có nội dung điều chỉnh lĩnh vực tôn giáo.

Văn bản quy phạm pháp luật có điều chỉnh lĩnh vực tôn giáo không những tăng nhanh về số lượng, mà còn phong phú và đa dạng hơn về hình thức. Nếu trước đây văn bản pháp luật tôn giáo được ban hành dưới hình thức Sắc lệnh, Nghị quyết, Sắc luật, Nghị định thì giai đoạn này nhiều Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư, Chỉ thị đã được ban hành. Nội dung các văn bản quy phạm pháp luật luôn được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Nghị định số 69/HĐBT, ngày 21/3/1991 về các hoạt động tôn giáo của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) là văn bản đầu tiên đã đề cập tương đối toàn diện các lĩnh vực hoạt động tôn giáo. Ngoài nội dung kế thừa các văn bản quy phạm pháp luật trước đó (Sắc lệnh 234/SL của Chính phủ ngày 14/6/1955 về vấn đề tôn giáo, Nghị quyết 297/NQ của Chính phủ ngày 11/11/1977 về một số chính sách đối với tôn giáo...), Nghị định còn chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung mới.

Qua gần 10 năm thực hiện, trước yêu cầu của tình hình mới, ngày 19/4/1999, Chính phủ ban hành *Nghị định số 26/1999/NĐ - CP về các hoạt động tôn giáo*, thay thế Nghị định số 69/HĐBT. Kế thừa các văn bản quy phạm pháp luật

trước đó, Nghị định số 26 / CP khẳng định:

- Nhà nước bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; công dân theo tôn giáo hoặc không theo tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật về quyền và nghĩa vụ.

- Những hoạt động tôn giáo chính đáng, hợp pháp của tín đồ được Nhà nước bảo đảm; những hoạt động tôn giáo vì lợi ích của Tổ quốc và nhân dân được khuyến khích.

- Các hoạt động tôn giáo phải tuân theo pháp luật của Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Mọi hành vi vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để chống lại Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân, phá hoại sự nghiệp đoàn kết toàn dân, làm hại nền văn hoá lành mạnh của dân tộc và hoạt động mê tín dị đoan đều bị xử lý theo pháp luật.

Trong thời gian qua, rõ ràng pháp luật về tôn giáo của Việt Nam đã có những bước phát triển đáng kể. Trong mỗi giai đoạn, pháp luật về tôn giáo đã kịp thời thể chế hoá những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo. Nội dung pháp luật về tôn giáo khẳng định chính sách nhất quán tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng tôn giáo để phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống lại sự nghiệp cách mạng. Đặc biệt

trong công cuộc đổi mới đất nước, pháp luật về tôn giáo đã có những đóng góp quan trọng trong việc củng cố sự đoàn kết, phát huy sức mạnh nội lực của toàn dân tộc trong phát triển kinh tế và giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo, Hội nghị lần thứ 7 Khoá IX Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra Nghị quyết về công tác tôn giáo. Những quan điểm, chính sách cơ bản của Đảng trong Nghị quyết về công tác tôn giáo là kết quả của quá trình tổng kết thực tiễn lâu dài của cách mạng Việt Nam. Những quan điểm, chính sách cơ bản đó thể hiện cách nhìn nhận, phương pháp ứng xử khoa học, đúng đắn đối với vấn đề tôn giáo, tạo nên những tiền đề, những nhân tố cơ bản cho việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đó là:

1. *Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.*

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

2. *Thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo.*

Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, thể chế hoá những quan điểm của Đảng trong Nghị quyết về công tác tôn giáo, ngày 18/6/2004, *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* (từ đây xin được viết tắt là *Pháp lệnh*) đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Khoá XI thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2004. Sự kiện quan trọng này đánh một dấu mốc lịch sử trên con đường hoàn thiện pháp luật điều chỉnh lĩnh vực hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.

Pháp lệnh có 6 chương, 41 điều, đã xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức tôn giáo, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động tôn giáo; tôn trọng và bảo đảm nguyên tắc những việc nội bộ của các tổ chức tôn giáo do các tôn giáo tự giải quyết theo Hiến chương, Điều lệ của các tôn giáo đã được Nhà nước công nhận. Đồng thời xác định, Chính phủ Việt Nam tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam kí kết hoặc gia nhập khi có sự khác nhau giữa quy định của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và các điều ước đã được Việt Nam kí kết hoặc tham gia. Nghị định của Chính

phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh đã quy định cụ thể theo hướng cải cách thủ tục hành chính đối với trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc quản lý các hoạt động tôn giáo; phân cấp rõ thẩm quyền, thời hạn giải quyết của chính quyền các cấp theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tôn giáo của các tổ chức và cá nhân tôn giáo ở Việt Nam.

Ngoài những nguyên tắc cơ bản về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được kế thừa từ các văn bản đã ban hành, *Pháp lệnh* có nhiều nội dung được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung mới so với Nghị định số 26/CP ngày 19/4/1999.

Về phạm vi điều chỉnh

Pháp lệnh không chỉ điều chỉnh các *hoạt động tôn giáo* mà còn điều chỉnh *hoạt động tín ngưỡng*. Hoạt động tín ngưỡng là loại hình hoạt động không có tổ chức song lại thu hút đại đa số quần chúng nhân dân tham gia, rất phong phú và được thực hiện dưới nhiều hình thức như thờ cúng tổ tiên tại gia đình, thờ Vua Hùng, ... Các hoạt động tín ngưỡng được tổ chức ở khắp các vùng miền trên cả nước. Nhà nước Việt Nam tôn trọng những hoạt động tín ngưỡng lành mạnh, đề cao giá trị nhân văn và truyền thống văn hoá dân tộc, đáp ứng nhu cầu tinh thần của đông đảo quần chúng nhân dân. Đồng thời cũng nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng tín ngưỡng hoạt động mê tín dị đoan, thương mại hoá hoạt động tín ngưỡng.

Về sinh hoạt tôn giáo của tín đồ

Pháp lệnh quy định người có tín ngưỡng, có tôn giáo được tự do bày tỏ đức tin, thực hành các nghi thức thờ cúng,

cầu nguyện và tham gia các hình thức sinh hoạt phục vụ lễ hội, lễ nghi tôn giáo, học tập giáo lý tôn giáo mà mình tin theo. Khi tham gia các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phải tôn trọng quy định của cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo, tôn trọng các quy định của lễ hội, quy ước của cộng đồng và quy định của pháp luật; tôn trọng quyền tự do không tín ngưỡng tôn giáo của người khác và không cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân. Quy định này phù hợp với nội dung Điều 18, *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị* mà Việt Nam đã tham gia.

Người nước ngoài khi vào Việt Nam được mang theo xuất bản phẩm tôn giáo và đồ dùng việc đạo để phục vụ nhu cầu tôn giáo của bản thân; được sinh hoạt tôn giáo tại cơ sở tôn giáo như tín đồ người Việt Nam; được mời chức sắc tôn giáo là người Việt Nam thực hiện lễ nghi tôn giáo khi có nhu cầu.

Về hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành

Người vào tu học tại các cơ sở tôn giáo hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, không ai được ép buộc hoặc cản trở. Trừ trường hợp người chưa thành niên phải có sự đồng ý của cha mẹ hoặc người giám hộ. Đây là quy định thể hiện rất rõ quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào của công dân, quyền được tu học để trở thành chức sắc, nhà tu hành của tín đồ các tôn giáo.

Chức sắc, nhà tu hành các tôn giáo được thực hiện lễ nghi tôn giáo trong phạm vi phụ trách, được truyền đạo, giảng đạo tại các cơ sở tôn giáo; việc thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo ngoài cơ

sở tôn giáo phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo luật định.

Chức sắc, nhà tu hành với tư cách công dân được Nhà nước khuyến khích tổ chức hoạt động giáo dục, y tế, từ thiện nhân đạo theo quy định pháp luật.

Chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài được phép giảng đạo tại cơ sở tôn giáo của Việt Nam sau khi được Ban Tôn giáo Chính phủ chấp thuận. Đây là một trong những quy định thể hiện sự đổi mới trong chính sách tôn giáo đối với hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành.

Về tổ chức tôn giáo và hoạt động của tổ chức tôn giáo

- Về tổ chức tôn giáo, Nghị định 26/CP quy định: *"Tổ chức tôn giáo có tôn chỉ, mục đích, đường hướng hành đạo, cơ cấu tổ chức phù hợp với pháp luật và được Thủ tướng Chính phủ cho phép hoạt động thì được pháp luật bảo hộ"*. Với quy định này, Nhà nước đã công nhận 16 tổ chức tôn giáo như đã nêu ở phần trên. Pháp lệnh quy định các tổ chức này không phải làm thủ tục công nhận lại. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, những quy định của Nghị định 26 đã thể hiện sự thiếu cụ thể đối với một số tổ chức tôn giáo, trong đó có những tổ chức có đồng tín đồ, một số "tôn giáo mới" xuất hiện xin được Nhà nước công nhận về tổ chức. Khắc phục bất cập này, Pháp lệnh đặt ra 5 điều kiện cần và đủ để một tổ chức được công nhận là tổ chức tôn giáo đó là:

"a. Là tổ chức của những người có cùng tín ngưỡng, có giáo lí, giáo luật, lễ nghi không trái với thuần phong, mỹ tục, lợi ích của dân tộc;

b. Có hiến chương, điều lệ thể hiện tôn chỉ, mục đích, đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc và không trái với quy định của pháp luật;

c. Có đăng kí hoạt động tôn giáo và hoạt động tôn giáo ổn định;

d. Có trụ sở, tổ chức và người đại diện hợp pháp;

đ. Có tên gọi không trùng với tên gọi của tổ chức tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận".

Trong đó, "có đăng kí hoạt động tôn giáo và hoạt động tôn giáo ổn định" là một trong những điều kiện quan trọng. Một tổ chức trước khi được công nhận là tổ chức tôn giáo phải đăng kí và hoạt động tôn giáo ổn định trong một thời gian nhất định mới được Nhà nước xem xét công nhận.

- Đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc. Theo Pháp lệnh, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh xem xét chấp thuận việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất đối với tổ chức tôn giáo cơ sở; Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận đối với tổ chức tôn giáo khác thuộc tổ chức tôn giáo. Quy định này sẽ tạo điều kiện cho tổ chức tôn giáo củng cố tổ chức, đáp ứng yêu cầu hoạt động tôn giáo.

- Về hội đoàn tôn giáo. Nghị định 26/CP chỉ quy định cho tín đồ được tham gia các hoạt động tôn giáo, học tập giáo lí, đạo đức, phục vụ lễ nghi tôn giáo tại cơ sở thờ tự. Theo Pháp lệnh, hội đoàn tôn giáo được xác định là một hình thức tập hợp tín đồ do tổ chức tôn giáo lập ra nhằm phục vụ hoạt động tôn giáo. Những hội đoàn do tổ chức tôn giáo lập ra không

nhằm phục vụ hoạt động tôn giáo thì không phải là hội đoàn tôn giáo, việc thành lập và hoạt động thực hiện theo quy định của pháp luật về lập hội. Pháp lệnh quy định hội đoàn tôn giáo được hoạt động sau khi được tổ chức tôn giáo đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Về hoạt động của dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể. Nghị định 26/CP quy định muốn hoạt động phải xin phép và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Pháp lệnh đã có những sửa đổi cơ bản, theo đó, các tổ chức này chỉ cần đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Ủy ban Nhân dân cấp huyện, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh hoặc Ban Tôn giáo Chính phủ) là có quyền hoạt động hợp pháp. Những dòng tu, tu viện đã đăng ký trước ngày Pháp lệnh có hiệu lực thì không cần đăng ký lại.

- Về việc phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử trong tổ chức tôn giáo. Nghị định 26/CP quy định những việc này phải được Thủ tướng Chính phủ hoặc Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh chấp thuận. Pháp lệnh có những thay đổi khá cơ bản. Theo đó, Pháp lệnh coi đây là công việc nội bộ của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo có quyền thực hiện theo Hiến chương, Điều lệ đã được Nhà nước phê duyệt. Nhà nước chỉ đặt ra các điều kiện về tư cách công dân của những người được xem xét phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử để tổ chức tôn giáo có sự lựa chọn, quyết định. Các điều kiện này bao gồm: là công dân Việt Nam, có tư cách đạo đức tốt; có tinh thần đoàn kết, hoà hợp dân tộc và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của

Nhà nước. Sau khi phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để biết, đảm bảo quyền hoạt động tôn giáo hợp pháp cho họ. Tất nhiên những người không đáp ứng những tiêu chí mà Nhà nước đặt ra sẽ không được Nhà nước thừa nhận. Nếu họ hoạt động tôn giáo sẽ là bất hợp pháp.

Riêng trường hợp phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử công dân Việt Nam vào các chức danh tôn giáo do tổ chức tôn giáo ở nước ngoài quyết định thì ngoài các điều kiện về tư cách công dân nêu trên, còn phải có sự thoả thuận trước của Ban Tôn giáo Chính phủ.

- Về việc chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành. Nghị định 26/CP quy định vấn đề này khá chặt chẽ, theo đó, chức sắc, nhà tu hành khi chuyển nơi phải được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân nơi đi và nơi đến chấp thuận. Với Pháp lệnh, việc chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành được quy định một cách thông thoáng. Những trường hợp thông thường, tổ chức tôn giáo chỉ có trách nhiệm thông báo với Ủy ban Nhân dân cấp huyện nơi đi và đăng ký hoạt động tôn giáo với Ủy ban Nhân dân cấp huyện nơi đến. Trường hợp chức sắc, nhà tu hành vi phạm pháp luật về tôn giáo bị Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh xử lý hành chính hoặc bị xử lý về hình sự theo quy định thì khi chuyển nơi mới cần phải được sự chấp thuận của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh nơi đến.

- Về hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo của tổ chức tôn giáo. Nghị định 26/CP

quy định còn chưa cụ thể. Với Pháp lệnh, Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để tổ chức tôn giáo tham gia nuôi dạy trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; hỗ trợ cơ sở chăm sóc sức khỏe người nghèo, người tàn tật, người nhiễm HIV - AIDS, bệnh nhân phong, tâm thần; hỗ trợ phát triển các cơ sở giáo dục mầm non và tham gia các hoạt động khác vì mục đích từ thiện nhân đạo phù hợp với Hiến chương, Điều lệ của tổ chức tôn giáo và quy định của pháp luật.

Về vấn đề tài sản thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo

Pháp lệnh khẳng định những tài sản hợp pháp thuộc cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm. Trong đó, đất đai thuộc những cơ sở này được Nhà nước bảo đảm quyền sử dụng ổn định, lâu dài. Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo được quyền quyền góp, nhận tài sản, hiến, tặng, cho để phục vụ hoạt động tôn giáo. Tuy nhiên, việc quyền góp, hiến, tặng, cho phải bảo đảm sự tự nguyện của người đóng góp, tặng, cho; quyền góp phải công khai mục đích sử dụng và phải thông báo với Ủy ban Nhân dân nơi tổ chức quyền góp trước khi thực hiện.

Sau hơn một năm thực hiện *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, đời sống tôn giáo ở Việt Nam đã có những chuyển biến mới, biểu hiện trên tất cả các mặt của hoạt động tôn giáo. Từ đó, khẳng định một thực tế là chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam và việc thực hiện chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do

tín ngưỡng, tôn giáo trong thời gian qua đã đáp ứng cơ bản nhu cầu sinh hoạt tôn giáo chính đáng, hợp pháp của tín đồ, chức sắc, nhà tu hành và của các tổ chức tôn giáo. Đông đảo tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo yên tâm, phấn khởi tin tưởng vào chính sách và pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng cuộc sống "tốt đời, đẹp đạo", góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trong quá trình phát triển xã hội, đi đôi với sự biến đổi liên tục của thực tiễn, hệ thống chính sách, pháp luật nói chung và chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng lại có tính ổn định tương đối, do vậy không thể tránh được những hạn chế, bất cập. Vì vậy, việc không ngừng bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo để đáp ứng thực tiễn cuộc sống và đời sống tinh thần của đồng bào các tôn giáo là một tất yếu khách quan.

Chính phủ và nhân dân Việt Nam rất tôn trọng sự quan tâm của các quốc gia đối với Việt Nam về nhân quyền, đặc biệt về tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Hi vọng rằng, Hội nghị này sẽ giúp các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á có dịp trao đổi và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau nhằm xây dựng ngày càng hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo ở từng nước./.